

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị rủi ro (226031) - Nhóm 01
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 27/08/2022
Phòng thi: D5-29

Tổ: 001
Giờ: 14-45

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Mã nhận dạng: 000487

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Lưu M.Đm	Vũ Văn Anh	Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn B

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120211	NGUYỄN NGỌC BÀNG	CHÂU	24/02/2002	CCQ2012G	1	Châu	8,5	8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120120245	NGUYỄN THỊ KIM	CƯỜNG	02/09/2002	CCQ2012H	1	Cường	8,0	4,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120120455	TRƯƠNG NGỌC	DIỆP	16/05/2002	CCQ2012N	1	Diệp	8,4	6,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120120318	HOÀNG THỊ KIM	DUNG	11/04/2002	CCQ2012J	1	Dung	7,6	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120109	NGUYỄN HUỲNH TẤN	ĐẠT	06/08/2002	CCQ2012D	1	Đạt	8,0	6,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2121120123	NGUYỄN THỊ THÚY	ĐOÀN	13/05/2003	CCQ2112D	1	Đoàn	8,0	5,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120120111	BÙI VĂN	ĐOÀN	28/02/2002	CCQ2012D	1	Đoàn	8,0	6,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120120613	TRẦN VĂN	ĐỨC	09/12/2002	CCQ2012R	1	Đức	8,0	6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2121260105	PHẠM THỊ CẨM	HÀ	03/01/2003	CCQ2126C	1	Hà	8,5	6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120120457	VŨ THỊ MỸ	HÀNH	05/06/2002	CCQ2012N	1	Hành	8,0	5,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120120249	LÊ THÚY	HÀNG	28/04/2002	CCQ2012H	1	Hàng	8,0	6,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2121200069	NGUYỄN THÚY	HÀNG	17/03/2003	CCQ2120B	1	Hàng	8,0	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2121120188	PHẠM NGUYỄN NGỌC	HIẾU	14/09/2003	CCQ2112F	1	Hiếu	7,5	4,0	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2121120128	VŨ NGỌC	HÒA	12/01/2003	CCQ2112D	1	Hòa	8,0	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120120626	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	26/08/2002	CCQ2012A	1	Hùng	7,6	4,0	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	120200328	NGUYỄN CÔNG	KHANH	26/06/2002	CCQ2020D	1	Khanh	8,0	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	20120461	NGUYỄN THỊ	LÀC	28/08/2002	CCQ2012N	1	Lac	8,0	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	20260287	NGUYỄN THỊ THU	LAN	25/05/2002	CCQ2020D	1	Lan	8,2	5,0	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	0120254	LA THỊ DƯƠNG	LIÊN	02/02/2002	CCQ2012H	1	Liên	7,5	5,0	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	9120496	PHẠM THỊ NGỌC	LIÊN	30/04/2001	CCQ1912N	1	Liên	7,6	6,5	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Phòng có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/08/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

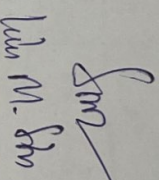
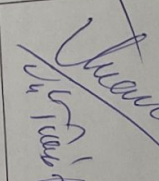
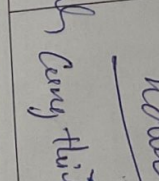
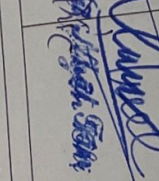
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

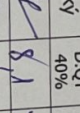
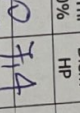
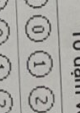
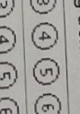
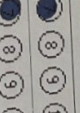
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị rủi ro (226031) - Nhóm 01
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 27/08/2022
Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Mã nhận dạng: 000487

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G. Viên chấm thi 1 	G. Viên chấm thi 2 
---	---	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. THI 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120315	TRIỆU THỊ KIM	03/01/2003	CCQ2112I		1		8,1	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120110121	NGUYỄN TRUÔNG	20/06/2001	CCQ2012R		1		7,9	7,5	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120120664	LÊ VĂN	02/07/2002	CCQ2012H		1		8,0	6,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120260225	NGUYỄN THỊ LÊ	22/12/2002	CCQ2026G		1		8,0	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2420420063	TRẦN THỊ YÀ	31/01/2002	CCQ2042C				8,0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120120259	PHẠM THỊ MỸ	10/11/2001	CCQ2012H		1		8,2	6,0	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120260244	NGUYỄN DUY	14/02/2002	CCQ2026G				0,0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị rủi ro (226031) - Nhóm 01
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 27/08/2022
Phòng thi: D5-30

Tổ: 002
Giờ: 14:45

T.Đức

Số SV có mặt: 27
Số bài thi: 27
Số tờ giấy thi: 27

Mã nhận dạng: 000488

Trang: 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Võ Văn L. H.	Đ. H. D.	Cung Tuấn	Nguyễn Văn

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số từ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. TN 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119260296	PHẠM BẢO NGỌC	23/07/2001	CCQ20126H				0,0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120120129	NGUYỄN THỊ YẾN	20/12/2002	CCQ2012D		1		7,5	3,5	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120120130	NGUYỄN THỊ NHUNG	21/06/2001	CCQ2012D		1		7,5	6,0	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120120262	LÂM KHÁ NHƯ	24/09/2002	CCQ2012H		1		7,9	3,5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120120437	VÕ THỊ NHƯÔNG	05/11/2002	CCQ2012M		1		8,0	5,0	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120200022	HỒ HUY PHƯỚC	06/04/2000	CCQ2020A		1		7,9	6,0	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120120335	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	19/10/2002	CCQ2012J		1		8,0	5,0	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120260231	VÕ THỊ THÚY QUỲN	21/11/2002	CCQ2026G		1		8,0	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121260115	LÊ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	15/05/2003	CCQ2126D		1		8,0	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120120556	LƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	20/08/2001	CCQ2012R		1		8,3	6,5	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121260117	NGUYỄN THỊ MỸ QUỲNH	22/10/2003	CCQ2126D		1		8,7	7,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120100160	PHAN THỊ XUÂN QUỲNH	15/05/2002	CCQ2012G		1		7,8	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120120268	TRẦN THỊ THU SƯƠNG	16/10/2002	CCQ2012H		1		8,0	7,0	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121120131	NGUYỄN THỊ TUYẾT THẠCH	21/02/2003	CCQ2112D		1		7,8	6,5	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120200088	ĐẶNG KIM THANH	21/02/2002	CCQ2020C		1		8,3	6,5	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120120269	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	09/09/2002	CCQ2012H		1		8,2	7,0	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121120367	VÕ TUẤN THANH	05/09/2002	CCQ2112K		1		8,0	6,5	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120120232	ĐỖ THU THẢO	15/09/2002	CCQ2012G		1		8,0	6,5	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120120445	HUỲNH THỊ XUÂN THÚY	02/11/2002	CCQ2012M		1		7,9	6,5	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120120443	NGUYỄN THỊ KIM THUYỀN	31/10/2002	CCQ2012M		1		8,5	7,5	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/08/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

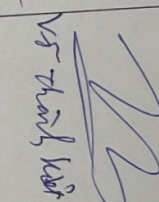
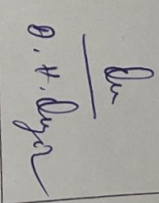
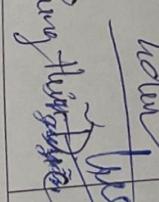
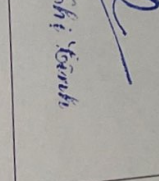
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị rủi ro (226031) - Nhóm 01
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 27/08/2022
Phòng thi: D5-30

Tổ: 002
Giờ: 14:45

Mã nhận dạng: 000488

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số từ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120120447	ĐOÀN NGUYỄN MINH THƯ	11/12/2002	CCQ2012M		1		7,9	8,5	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120120236	QUẦN NGỌC ANH THƯ	15/11/2002	CCQ2012G		1		8,0	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120260246	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	26/12/2002	CCQ2026G		1		8,0	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120200092	TRƯƠNG THỊ TRANG	11/11/2002	CCQ2020C		1		7,9	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120120240	NGUYỄN THỊ TRÚC	20/09/2002	CCQ2012G		1		7,8	7,5	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2121120085	NGUYỄN THỊ TUYẾN	08/09/2003	CCQ2112C		1		8,0	8,5	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120120277	LÊ TRẦN HÀ VY	15/01/2002	CCQ2012H		1		7,6	8,0	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120120244	HỨA MỸ XUÂN	21/03/2002	CCQ2012G		1		7,7	6,5	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị rủi ro (226031) - Nhóm 02
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 27/08/2022
Phòng thi: D5-31

Tổ: 001
Giờ: 14:45

Số SV có mặt: 44
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Mã nhận dạng: 000489

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120590	NGUYỄN THỊ HẠNH	03/08/2002	CCQ2012Q		1		8,0	5,0	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120120396	NGUYỄN THÁI GIA HÂN	19/04/2002	CCQ2012L		1		8,5	6,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120120400	NGUYỄN THỊ MINH HÔI	07/05/2002	CCQ2012L		1		8,3	6,5	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120120365	LÂM KIM TÂN KHOA	05/07/2002	CCQ2012K		1		8,0	4,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120270113	PHẠM ANH LÊN	06/10/2001	CCQ2027D		1		8,0	0,0	3,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120120327	BỒ THỊ KIM LOAN	06/12/2002	CCQ2012I		1		8,2	5,0	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120120620	LÝ THỊ KIM NGÂN	08/04/2001	CCQ2012R		1		0,0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120120553	DƯƠNG HOÀNG YẾN NHI	24/07/2002	CCQ2012LA		1		8,0	4,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120260263	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	12/08/2002	CCQ2026H		1		8,5	8,0	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120120225	CHÂU NGỌC QUỲNH NHƯ	01/09/2002	CCQ2012G		1		8,0	4,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120120597	VÕ THỊ MỸ PHỤNG	05/10/2002	CCQ2012Q		1		8,0	4,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120120267	NGUYỄN THỊ HỒNG SON	21/03/2002	CCQ2012H		1		8,0	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120120729	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	24/03/2002	CCQ2012Q		1		8,0	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120120098	PHÙNG THỜI	10/09/2000	CCQ2012C		1		8,0	4,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120120537	LINH THUY THOM	01/07/2002	CCQ2012P		1		8,0	6,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120120586	NGUYỄN THẠNH THUY	18/12/2000	CCQ2012P		1		0,0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120120375	VÕ THỊ THU THUY	20/02/2001	CCQ2012K		1		8,3	5,0	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120120415	HỒ THỊ THANH THƯƠNG	20/08/2002	CCQ2012L		1		8,2	6,0	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120120648	NGUYỄN TRUNG TÍN	28/12/2002	CCQ2012E		1		8,3	7,0	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120120100	ĐOÀN THỊ THUY TRANG	03/09/2002	CCQ2012C		1		8,0	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

V không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị rủi ro (226031) - Nhóm 02
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 27/08/2022
Giờ: 14:45

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Mã nhận dạng: 000489

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120120542	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	25/06/2002	CCQ2012P	1		8,2	6,5	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120120513	HOÀNG PHI	TRỌNG	01/10/2002	CCQ2012O	1		8,0	4,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2119120577	HÀ THANH	TUẤN	12/04/2001	CCQ1912P	1		7,5	5,5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120120174	TRƯƠNG THỊ LÊ	TUYẾN	01/05/2002	CCQ2012E	1		9,0	8,5	8,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120270103	NGUYỄN BÌNH	VÂN	23/04/2002	CCQ2027C	1		0,0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120270185	PHAN THỊ MỸ	VÂN	19/06/2002	CCQ2027F	1		8,0	7,5	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120120103	ĐỖ THỊ THÚY	VI	10/10/2001	CCQ2012C	1		8,0	9,0	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thuế trong kinh doanh (226078) - Nhóm 02**
Đợt thi: **HK3 2021-2022**
Ngày thi: **30/08/2022**
Phòng thi: **D4-25**

Tổ: **001**
Giờ: **09:45**

Số SV có mặt: ...
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: ...

Mã nhận dạng: 000545

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
Pháp luật	Pháp luật	Cung hiến thư	Cung hiến thư

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chức ký	B.ĐT 40%	B.ĐT 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120709	NGUYỄN MẬU TUẤN	14/08/2002	CCQ2012P		1		7,2	8,0	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	2121200095	HỒ THỊ NGỌC	10/06/2003	CCQ2120C		1		7,3	8,0	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	2120120211	NGUYỄN NGỌC BẰNG	24/02/2002	CCQ2012G		1		8,0	8,5	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	2120120452	NGUYỄN THỊ BÍCH	30/08/2002	CCQ2012N		1		7,0	8,0	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	2120200141	ĐÀO THỊ NGỌC	05/05/2002	CCQ2020E		1		9,0	9,0	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	2120120245	NGUYỄN THỊ KIM	02/09/2002	CCQ2012H		1		7,5	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	2121120349	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	08/03/2003	CCQ2112J		1		7,5	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	2120120247	HỒ THUY HÀ	12/10/2002	CCQ2012H		1		7,6	6,0	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	2120120318	HOÀNG THỊ KIM	11/04/2002	CCQ2012J		1		7,3	7,5	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	2120120354	NGUYỄN THỊ HỒNG	27/05/2002	CCQ2012K		1		8,0	6,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	2120120356	TRẦN THỊ PHƯƠNG	02/01/2001	CCQ2012K		1		7,9	5,0	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	2120120281	PHẠM THỊ MỸ	25/10/2002	CCQ2012I		1		7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	2120200144	THANH THỊ KIM	25/02/2002	CCQ2020E		1		9,0	9,0	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	2121120305	TRẦN KHÁNH	29/09/2003	CCQ2112I		1		7,2	7,5	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	2120120525	TRẦN THỊ MỸ	08/06/2002	CCQ2012P		1		7,4	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2120120111	BUI VAN	ĐOÀN	28/02/2002	CCQ2012D		1		7,5	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2120200038	PHẠM THỊ	HÀ	04/06/2002	CCQ2020B				9,0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2121200112	NGUYỄN ĐĂNG THẾ	HÀO	21/07/2002	CCQ2120D		1		7,5	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2120120112	ĐẶNG THỊ THU	HÀNG	25/01/2002	CCQ2012D		1		8,6	8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2120120591	LÊ THỊ PHƯƠNG	HÀNG	12/03/2002	CCQ2012Q		1		6,8	7,2	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

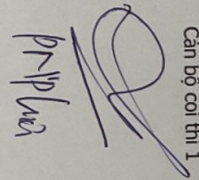
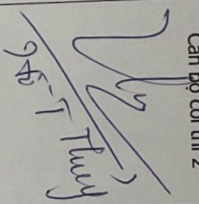
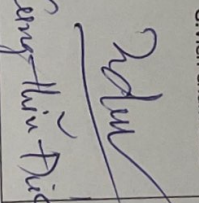
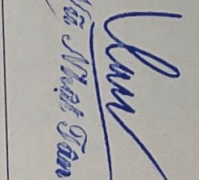
Môn học: **Thuế trong kinh doanh (226078) - Nhóm 02**
Đợt thi: **HK3 2021-2022**
Ngày thi: **30/08/2022**
Phòng thi: **D4-25**

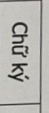
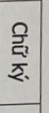
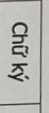
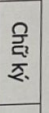
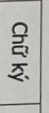
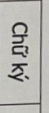
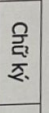
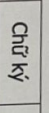
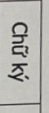
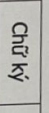
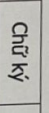
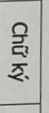
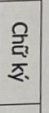
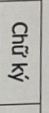
Tổ: **001**
Giờ: **09:45**

Số SV có mặt: ...
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: ...

Mã nhận dạng: 000545

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121200082	TRƯƠNG THỊ THU	14/09/2003	CCQ2120C		1		7,6	9,0	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2118120557	PHẠM THỊ MINH	27/12/2000	CCQ1812G							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121200083	HỒ TRÍ	13/03/2003	CCQ2120C		1		5,0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120120322	LÊ MINH	01/06/2002	CCQ2012J		1		7,3	1,5	3,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120120616	TRẦN NHẬT	10/06/2002	CCQ2012R		1		6,9	7,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2121120282	PHAN GIA	12/09/2003	CCQ2112I		1		7,3	4,5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120120364	NGUYỄN THỊ XUÂN	05/08/2002	CCQ2012K		1		8,0	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120120461	NGUYỄN THỊ LẠC	28/08/2002	CCQ2012N				0,0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2120120366	TRẦN THỊ THU	18/02/2002	CCQ2012K		1		7,3	7,5	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2120120253	NGUYỄN THỊ NHƯ	18/07/2002	CCQ2012H		1		7,7	8,5	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2121120343	PHẠM THỊ BÍCH	07/09/2003	CCQ2112J		1		8,2	8,5	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2120120219	HUYỀN PHƯƠNG HOÀI	20/08/2001	CCQ2012G		1		7,5	4,5	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2121120309	THÂN THUY	03/05/2003	CCQ2112I		1		8,0	9,0	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	2121120304	NGUYỄN THỊ LOAN	26/01/2003	CCQ2112I		1		8,0	9,5	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	2120120369	NGUYỄN THỊ HỒNG	14/10/2001	CCQ2012K		1		7,9	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	2120120220	PHẠM THỊ ÚT	24/08/2002	CCQ2012G		1		7,8	8,0	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Thuế trong kinh doanh (226078) - Nhóm 02
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 30/08/2022
Phòng thi: D4-22

Tổ: 002
Giờ: 09:45

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Mã nhận dạng: 000546

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập
1	2120120296	LÝ THỊ DIỄM	01/08/2002	CCQ2012I		1		7,4	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	2120120259	PHẠM THỊ MỸ	10/11/2001	CCQ2012H		1		7,3	6,0	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	2121120340	NGUYỄN THỊ MỸ	04/02/2003	CCQ2112J		1		7,9	9,5	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	2120120018	NGUYỄN THỊ THU	04/12/2001	CCQ2012A		1		8,5	7,5	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	2120120467	NGUYỄN THỊ VINH	25/06/1960	CCQ2012N		1		7,5	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	2120200262	LÊ THỊ THẢO	06/02/2002	CCQ2020H		1		8,2	7,5	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	2120120469	NGUYỄN CHÍ	29/09/2002	CCQ2012N		1		7,4	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	2120120054	NGUYỄN THỊ THU	25/12/2001	CCQ2012B		1		7,8	7,0	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	2121120505	NGUYỄN THỊ YẾN	12/10/2003	CCQ2112O		1		7,0	7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	2120120332	TRẦN THỊ YẾN	21/09/2001	CCQ2012J		1		7,0	7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	2120120225	CHÂU NGỌC QUYNH	01/09/2002	CCQ2012G		1		7,5	6,5	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	2121120347	VƯƠNG THỊ TÚ	02/02/2002	CCQ2112J		1		7,3	8,0	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	2120120472	TRẦN THỊ MỸ	17/06/2001	CCQ2012N		1		7,5	8,5	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	2120120134	LÊ DUY TỔ	21/06/2002	CCQ2012D		1		8,4	8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	2119120338	LÊ HỒNG ĐẠI	01/01/2001	CCQ1912J		1		7,3	7,5	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	2120030055	TRẦN DUY	23/06/2001	CCQ2020I		1		7,2	7,0	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	2120120228	TRẦN THỊ	24/06/2001	CCQ2012G		1		7,0	7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	2120120336	LỤC THỊ	06/05/2002	CCQ2012J		1		6,9	8,0	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	2120120600	NGUYỄN TUẤN	23/04/2002	CCQ2012Q		1		6,8	5,0	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	2120120200	NGUYỄN DUY	09/07/2002	CCQ2012F		1		7,2	6,0	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Thuế trong kinh doanh (226078) - Nhóm 02

Đợt thi: HK3 2021-2022

Ngày thi: 30/08/2022

Phòng thi: D4-22

Tổ: 002

Giờ: 09:45

Số SV có mặt: 84
Số bài thi: 84
Số tờ giấy thi: 84

Mã nhận dạng: 000546

Trang: 2/2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập p
21	2120120342	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	THẢO	10/08/2002	CCQ2012J		<i>Thảo</i>	7,3	8,0	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	2120120343	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	07/10/2002	CCQ2012J		<i>Thanh</i>	7,9	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	2121120335	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	22/08/2002	CCQ2112J		<i>Thu</i>	8,6	6,5	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	2120120271	NGUYỄN THỊ THIẾT	THIẾT	25/06/2002	CCQ2012H		<i>Thiêt</i>	7,3	7,0	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	2119120343	NGÂN THỊ THANH	THUY	18/10/2001	CCQ1912J		<i>Thanh</i>	7,4	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	2121120141	NGUYỄN THỊ NHƯ	THƯỜNG	17/09/2002	CCQ2112E		<i>Như</i>	7,4	7,0	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	2120120377	HÀ TRUNG	TÍNH	30/05/2002	CCQ2012K		<i>Trung</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	2121120338	NGÔ THỊ THÙY	TRANG	17/01/2003	CCQ2112J		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	2120120347	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	22/11/2001	CCQ2012J		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	2120120308	TRẦN VŨ THÙY	TRANG	10/09/2001	CCQ2012I		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	2120240116	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	22/03/2002	CCQ2012R		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	2120120067	HUYỀN THỊ HUỖN	TRẦN	30/08/2002	CCQ2012B		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
33	2120120673	ĐÌNH CÔNG	TRƯỜNG	21/01/2002	CCQ2012J		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	2120120546	NGUYỄN THỊ NHÃ	UYÊN	12/02/2002	CCQ2012P		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	2120120625	LƯƠNG ANH	VÂN	02/04/2002	CCQ2012R		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	2120120703	TRỊNH THỊ NHƯ	YÊN	14/11/2002	CCQ2012N		<i>Thuy</i>	7,4	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2
<i>Trần Thị Thanh</i>	<i>Trần Thị Thanh</i>	<i>Trần Thị Thanh</i>	<i>Trần Thị Thanh</i>